

KẾ HOẠCH PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai được Quốc hội thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Theo văn bản chỉ đạo số...ngày...tháng ...năm... của Tỉnh (Huyện)...

Để chủ động trong công tác phòng, chống thiên tai, ứng phó kịp thời và hiệu quả nhằm làm giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kinh tế, xã hội của xã năm 2014. Ủy ban nhân dân xã xây dựng Kế hoạch Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2014 như sau:

I. Giới thiệu tình hình chung và những thông tin cơ bản trong xã

Tà Lèng là một xã ven Thành Phố Điện Biên Phủ Tỉnh Điện Biên, cách trung tâm Thành phố 8 km về phía Đông Xã được thành lập năm 2009 được tách ra từ phường Noong Bua

- Phía Bắc giáp Thanh Minh
- Phía Đông giáp Xã Mường Phăng huyện Điện Biên và Xã Pú Nhi, Huyện Điện Biên Đông
- Phía Nam giáp Phường Nam Thanh
- phía Tây giáp Phường Him Lam và Phường Noong Bua

Xã có tổng diện tích tự nhiên 1405,76 ha. Toàn xã có 715,81ha đất đất nông nghiệp

Xã có tổng 4 bản, với 249 hộ, 1050 khẩu; 5 dân tộc anh em sinh sống:

Có trục đường chạy từ Phường Noong Bua chạy qua xã đi Mường phăng (HĐB) đi xã Pú Nhi (HĐBĐ) có nhiều trục đường liên bản ,người và xe thô sơ đi lại rẽ ràng việc triển khai đội hình ứng cứu khi có tình huống xảy ra được nhanh chóng đảm bảo an toàn.

Cầu cống có 02 cầu xi măng cốt thép bố trí theo trục đường vành đai và 01 cầu ở bản Tà Lèng , 02 cầu ở bản Kê Nênh, 01 cầu ở bản Nà Nghè .

Sông suối phía đông có con suối Nặm Phạ chảy từ bản Nà Nghè xuống bản Kê Nênh, bản Tà Lèng chảy ra hồ Huổi Phạ phường Him Lam. Ngoài ra còn một số con suối nhỏ bắt nguồn từ những khe núi chảy ra như suối Thảm Mây, Thảm Van chảy qua bản Tà Lèng, bản Kê Nênh.

Đồi núi có nhiều điểm cao nhiều vách đứng có nguy cơ sạt lở cao

II. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI

A. THÔNG TIN CƠ BẢN

1. Đặc điểm địa lý:

Địa hình xã Tà Lèng là dạng địa hình đồi núi hiểm trở bị chia cắt được phân ra thành 2 loại:

- Địa hình thung lũng: là loại địa hình tương đối bằng phẳng, có những cánh đồng rộng xen lẫn các đồi núi thấp nằm chủ yếu ở phía Bắc và một phần ở phía Nam của xã, độ dốc trung bình là 10%, riêng các chân đồi có độ dốc trung bình từ 10 - 20%.
- Địa hình đồi núi cao: là loại địa hình có độ cao từ 500 - 1000 m so với mực nước biển.

Tà Lèng chịu ảnh hưởng chung của khí hậu miền núi phía Bắc Việt Nam. Được hình thành từ một nền nhiệt độ cao của đới chí tuyến và có sự thay thế của các hoàn lưu lớn theo mùa, kết hợp với điều kiện địa hình nên phân thành 2 mùa: Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 9, mùa khô từ tháng 10 năm trước đến tháng 04 năm sau. Mùa mưa thường nóng ẩm và mưa nhiều, mùa khô thường có gió lạnh, nhiệt độ không khí xuống thấp, trời khô hanh và có xuất hiện sương muối.

a) *Chế độ nhiệt:* Nhiệt độ trung bình năm là 21,6⁰C; nhiệt độ cao nhất lên tới 38,6⁰C; nhiệt độ thấp nhất là - 1,3⁰C. Biên độ nhiệt biến động hàng năm từ 9 - 10⁰C, nhiệt độ tháng cao nhất là 32,2⁰C (tháng 5), tháng thấp nhất là 11⁰C (tháng 01).

b) *Chế độ mưa:* Lượng mưa trung bình năm từ 678 mm, cao nhất đạt 1.258 mm, thấp nhất ở mức 500 mm. Lượng mưa trong các tháng mùa mưa đạt 1.017

mm tập trung chủ yếu tháng 6, 7, 8, lượng mưa lớn nhất 329 mm (tháng 6); lượng mưa trong các tháng mùa khô 154 mm, lượng mưa tháng nhỏ nhất 13 mm (tháng 01).

Tổng số giờ nắng trung bình 158 - 177 giờ/năm. Số giờ nắng trong các tháng có sự chênh lệch rõ rệt, số giờ nắng tháng nhiều nhất 206 giờ (tháng 03), tháng ít nhất là 124 giờ (tháng 7).

c) *Chế độ gió*: Xã chịu ảnh hưởng bởi hai hướng gió chính là:

- Gió Bắc và Đông Bắc thổi vào mùa khô từ tháng 10 đến tháng 04 năm sau, gió thường khô hanh, khi gặp gió Tây Nam thường xảy ra mưa phùn, sương muối, sương mù và đặc biệt có năm gây ra hiện tượng băng giá ảnh hưởng đến sản xuất và sinh hoạt của nhân dân.
- Gió mùa Đông Nam thổi vào mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 9 mang nhiều hơi ẩm và thường gây ra những trận mưa rào. Ngoài ra, hàng năm vào các tháng 03, 04, 05 còn chịu ảnh hưởng của gió Tây Nam (gió Lào) khô nóng gây ảnh hưởng rất lớn đến sản xuất nông - lâm nghiệp cho toàn xã.

d) *Độ ẩm không khí*: Độ ẩm không khí trung bình năm là 86%, tháng cao nhất là tháng 7 và tháng 8 với 89% và tháng thấp nhất là tháng 3 với 78%. Độ ẩm tuyệt đối là 12%.

Trong khu vực tái định cư có suối Nậm Phạ, suối Thắm Mây, và một vài các con suối, khe suối nhỏ lẻ chảy qua có lưu lượng lớn vào mùa mưa.

2. Đặc điểm dân sinh, kinh tế - xã hội và cơ sở hạ tầng

2.1 Về dân cư

- Tổng số 249 hộ với 1050 khẩu. Trong đó nam 513 , nữ 537
- Số hộ nghèo : 25 hộ với 87 khẩu trong đó nam 48; nữ 39
- Số hộ cận nghèo 12 hộ
- Số người trong độ tuổi lao động: 846 người, có 421 nam và nữ là 425 người.
- Đối tượng dễ bị tổn thương.
 - o Trẻ em: 293 em. Trong đó nam 146; nữ 147
 - o Người già trên 60 tuổi: 62 người với 35 nam và 27 nữ.
 - o Phụ nữ có thai và đang cho con bú dưới 12 tháng: 30
 - o Người khuyết tật: 15; nam 6, nữ 9

- Người bị bệnh hiểm nghèo 5 (nam 3, nữ 2)
- Số hộ nghèo : 25 hộ với 87 khẩu trong đó nam 48;nữ 39

Toàn xã có 5 dân tộc anh em gồm :

- Dân tộc Kơ Mũ 87 hộ
- Dân tộc Mông 80 hộ
- Dân tộc Thái 60 hộ
- Dân tộc Kinh 21 hộ
- Dân tộc khác: 1 hộ

Xã có 3 bản và một cụm dân cư và phân bố dân cư như sau:

Phân bố dân cư

TT	Bản, cụm	Số hộ	Số khẩu	Số hộ nghèo	Đối tượng dễ bị tổn thương				
					Người cao tuổi	Trẻ em	NKT	Phụ nữ	Người bị bệnh hiểm nghèo
1.	Tà Lèng	105	407	16	24	105	04	211	0
2.	Kê Nênh	60	314	04	14	95	03	161	0
3.	Nà nghe	57	236	04	19	71	08	127	0
4.	Lọng Hỏm	27	93	01	05	22	0	38	0
Tổng		249	1050	25	62	293	15	537	0

2.2 Về đất đai:

Tổng diện đất tự nhiên: 1405,76 ha trong đó: trong đó

Đất thổ cư	73.57	
Đất sản xuất nông nghiệp:	715.81	
- Đất trồng cây hàng năm	694.84	
- Đất trồng lúa	305.52	
- Đất chuyên trồng lúa nước	50.97	02 vụ
- Đất trồng lúa nước còn lại	0.25	01 vụ

- Đất trồng lúa nương	254.30	01 vụ
- Đất trồng cây hàng năm khác	389.32	01 vụ
- Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	388.55	01 vụ
- Đất trồng cây lâu năm	20.97	
- Đất trồng cây công nghiệp lâu năm	1.15	
- Đất trồng cây ăn quả lâu năm	0.99	
- Đất trồng cây lâu năm khác	18.83	
Đất lâm nghiệp:		UBND xã quản lý
- Đất rừng sản xuất	62.48	
- Đất khoanh nuôi phục hồi rừng sản xuất	62.48	
- Đất rừng phòng hộ	614.55	
- Đất có rừng tự nhiên phòng hộ	234.16	
- Đất có rừng trồng phòng hộ	211.01	
- Đất khoanh nuôi phục hồi rừng phòng hộ	113.25	
- Đất trồng rừng phòng hộ	56.13	
Đất nuôi trồng thủy sản:	17	

2.3 Ngành nghề chính

95% số hộ dân trong xã hoạt động sản xuất nông lâm nghiệp là chính. Bên cạnh đó còn có một số hoạt động sinh kế khác. Ngoài ra có 8 hộ buôn bán nhỏ và 17 hộ nuôi trồng thủy sản

Tổng thu nhập hàng năm tính theo đầu người: 9 triệu đồng/Người/Năm

2.4. Cơ sở hạ tầng, vật chất

Công sở

- Trụ sở UBND xã hiện có 01 nhà 3 tầng .diện tích xây dựng 145m² gồm 12 phòng làm việc ; 01 phòng họp đủ chỗ cho 50 người mới được xây dựng năm 2010,2011.Thiếu nhiều trang thiết bị

- Trụ sở Ban Nhân dân bản: 03/04 bản đã có nhà VH bản và đều mới được xây dựng trong các năm 2011; 2012; 2013, tất cả đều là nhà cấp 4

a) Trường học:

- **Trường tiểu học:** Hiện xã có một trường tiểu học ở trung tâm xã và một điểm trường ở bản Nà Nghè

- Trường tiểu học Hoàng Văn Nô(Trung tâm)

- Diện tích sử dụng : 6.500m²
- Diện tích xây dựng:580 m² gồm 4 dãy nhà cấp 4 được xây dựng năm 2004 (có 6 phòng chức năng, 2 phòng thư viện, 5 phòng học) ,chất lượng công trình trung bình
- Diện tích sân chơi, bãi tập:700 m²
- Số học sinh có trong 7 lớp :74 em
- Số giáo viên :15 giáo viên

- Điểm trường Hoàng văn Nô :

- Diện tích sử dụng : 1.000m²
- Diện tích xây dựng:400 m² gồm 1 dãy nhà cấp 4 được xây dựng năm 2004 (có 3 phòng),chất lượng công trình trung bình
- Diện tích sân chơi,bãi tập:300 m²
- Số học sinh có trong 2 lớp :15 em
- Số giáo viên : 02 giáo viên
- Xã chưa có Trường THCS

- Trường Mẫu giáo ,mầm non có 3 điểm trường

- Trường mầm non trung tâm:

- Diện tích sử dụng : 1.050m²
- Diện tích xây dựng:400 m² gồm 3 dãy nhà cấp 4 được xây dựng năm 2010 (có 8 phòng),chất lượng công trình trung bình
- Diện tích sân chơi,bãi tập:770 m²
- Số học sinh có trong 3 lớp :53 em
- Số giáo viên : 5 giáo viên
- Thiếu trang thiết bị

- Trường mầm non Kê Nênh:
 - Diện tích sử dụng : 657 m²
 - Diện tích xây dựng:90 m² ;nhà cấp 4 được xây dựng năm 2004 chất lượng công trình đã xuống cấp
 - Diện tích sân chơi,bãi tập:100 m²
 - Số học sinh có trong 2 lớp:15 em; 02 giáo viên
- Trường mầm non Kê Nênh:
 - Diện tích sử dụng : chưa có đất đang học nhờ trong điểm trường tiểu học
 - Số học sinh có trong 01 lớp :17 em ; 02 giáo viên

b) Y tế

Xã hiện có trạm y tế, đang hoạt động nhờ nhàcó 3 phòng. Hiện tại đang được xây dựng

Trạm có 6 cán bộ trong đó có 4 y sỹ, 1 nữ hộ sinh,1 điều dưỡng,01 y tá và chưa có bác sỹ,chưa có cán bộ dược..Trạm có đầy đủ cơ sở thuốc dự trữ PCTT tại chỗ

- Có cán bộ y tế bản : có 3/4 bản đã có y tá
- Trang bị của trạm còn thiếu nhiều so với yêu cầu phục vụ của cộng đồng.
- Công tác tiêm chủng mở rộng đạt

(Hiện đang xây dựng trạm y tế 2 tầng)

c) Nhà ở dân cư

Tổng số có 01 hộ có nhà kiên; 231 hộ nhà bán kiên cố; Bên cạnh đó còn 17 hộ nhà tranh tre, tạm bợ thiếu an toàn.

TT	Tên Bản, Cụm	Số hộ	Nhà kiên cố (Cấp 1,2,3)	Nhà bán kiên cố (cấp 4)	Nhà tạm bợ
1	Tà Lèng	105		98	07
2	Kê Nênh	60	01	55	04
3	Nà Nghè	57		52	05
4	Cụm Lọng Hỏm	27		26	01

Tổng	249	01	231	17
------	-----	----	-----	----

2.5 Hệ thống giao thông

- Đường liên xã ,liên bản dài 15 km ;đã bê tông hóa 8 km
- Đường nội bản và ngõ xóm 50% chưa bê tông hóa
- Đường nội đồng chỉ là đường đất lầy lội khi mưa

2.6 Hệ thống thủy lợi

Trên địa bàn xã chưa có trạm bơm,hệ thống thủy lợi chủ yếu dựa vào hệ thống tự chảy và nước mưa là chính

Xã có 01 phai suối Nậm Phạ và đập Na Ít đủ tưới cho 37 ha lúa

Xã có 7 tuyến kênh, mương dài 6,4 km do xã quản lý và đã cứng hóa được 3,7km

2.7 Hệ thống điện

Trên địa bàn xã có 2 trạm biến áp,chất lượng phục vụ tốt; chất lượng công trình trung bình

Hệ thống điện lưới hạ thế quốc gia dài 2,5 km, được xây dựng năm 2000 và vẫn hoạt động tốt ; đã tới 4/4 bản. Nhưng do địa hình đồi núi phức tạp và phân bố dân cư chưa đồng đều nên vẫn còn một số hộ trong các bản vẫn chưa có điện

2.8 Hệ thống nước, vệ sinh

Tên Bản, Cụm	Số hộ	Nguồn nước sạch				Nhà vệ sinh		
		Giếng đào	Bể chứa	Trạm cấp nước công cộng/nước sạch tự chảy	Không có dụng cụ chứa	Tự hoại	Tạm	Không có
Tà Lèng	105		06	06	80	03	72	30
Kê Nênh	60		02	02	45	01	40	19

Nà Nghè	57		03	03	40	0	40	17
Cụm Lọng Hòm	27	02	0	0	07	01	16	9

2.9 Hệ thống thông tin liên lạc

Hiện toàn xã chưa có điểm bưu điện văn hóa, 4/4 bản, cụm bản đã có hệ thống truyền thanh,

- Đã có Internets đến xã, các thôn chưa có.
- Trên địa bàn xã có 3 trạm phủ sóng

3. Công tác phòng, chống thiên tai trong thời gian qua

Xác định rõ công tác PCTT là một trong những công tác trọng tâm hàng đầu, vì vậy ngay từ đầu năm xã đã xây dựng kế hoạch PCTT- với phương châm “chủ động phòng tránh, ứng phó kịp thời, khắc phục nhanh chóng và hiệu quả” nhằm giảm tới mức thấp nhất thiệt hại về người và tài sản. Với nguồn lực và nhân lực được thực hiện theo phương châm 4 tại chỗ.

Hàng năm, UBND xã chỉ đạo các tổ phụ trách thôn phối hợp với các bản rà soát, kiểm tra các khu dân cư, các hộ gia đình. Khoanh vùng có nguy cơ sạt lở đất, lũ quét để đảm bảo an toàn cho nhân dân.

BCH PCTT- xã phân công các thành viên trực 24/24 giờ khi có thiên tai xảy ra. Chỉ đạo Ban Công an xã và BCH quân sự xã trực gác ở các đoạn đường hay bị ngập và có nguy cơ bị sạt lở trên địa bàn. Cảnh báo và ngăn chặn người và phương tiện giao thông đi lại qua các cầu, các đoạn đường bị ngập khi lũ về nhằm hạn chế tai nạn xảy ra. Thường xuyên theo dõi diễn biến thiên tai, thời tiết để thông báo cho dân biết để chủ động phòng chống.

Sau mỗi lần thiên tai xảy ra đều thực hiện nghiêm túc việc đánh giá thiệt hại đồng thời có các biện pháp khắc phục ngay và rút ra bài học kinh nghiệm

B. THÔNG TIN ĐÁNH GIÁ VỀ THIÊN TAI, TÌNH TRẠNG DỄ BỊ TÔN THƯƠNG VÀ NĂNG LỰC PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI

1. Tình hình thiên tai

Xã Tà Lèng hàng năm phải chịu nhiều loại hình thiên tai như: hạn hán, rét hại, mưa đá, ngập lụt, SLD.lũ quét.Các thiên tai hầu hết đều có gia tăng về cả tần suất và cường độ,thời gian

Bảng Lịch sử thiên tai

Năm. tháng xảy ra thiên tai (1)	Loại hình thiên tai đã xảy ra (2)	Đặc điểm và xu hướng thiên tai (3)	Khu vực thiệt hại (4)	Những thiệt hại và mức độ thiệt hại (5)	Nguyên nhân dẫn đến từng thiệt hại (6)	Những việc người dân và chính quyền địa phương đã làm (7)
1957	Lũ quét +SLĐ	Mưa rất to 2-3 h,!/2 quả đồi sạt chấn động suối thấm mây nước dâng cao đột ngột	Bản tà lèng trên	-Ngập ½ bản;mát mùa,mát đất,trôi gia cầm	-Súc vật nhốt trong chuồng	Tự khắc phục

2002	Hạn hán	Xảy ra từ tháng 4- tháng 5 -Xảy ra từ từ	Bản tà lèng	-35 ha ngô;60 ha lúa nương,56 ha lúa nước -Thiếu nước sinh hoạt	-Mùa vụ trùng mùa hạn hán -Không có trạm bơm -Nước tưới phụ thuộc nước tự chảy và nước mưa	-Thay giống ngắn ngày, chịu hạn tốt hơn; -Trồng ngô muộn hơn -Tiết kiệm nước và tận dụng mọi nguồn nước -Đào thêm giếng
2006	Lũ quét	Xảy ra rất nhanh, cuốn theo mọi thứ trên đường đi qua	Suối Nặm phạ khu vực bản Nà nghe	- a -	- ruộng,ao ở Ven suối Nặm phị -Mùa lúa, thả cá trùng mùa thiên tai -Bờ bao không an toàn	-Trồng rừng -Chủ động thu hoạch trước thiên tai
2008	Lũ quét	Xảy ra rất nhanh, cuốn theo mọi	Suối Tà Lèng	-Ao vỡ,mất cá -Mất lúa và	-Ven suối Tà Lèng	-Trồng rừng -Chủ động

Năm. tháng xảy ra thiên tai (1)	Loại hình thiên tai đã xảy ra (2)	Đặc điểm và xu hướng thiên tai (3)	Khu vực thiệt hại (4)	Những thiệt hại và mức độ thiệt hại (5)	Nguyên nhân dẫn đến từng thiệt hại (6)	Những việc người dân và chính quyền địa phương đã làm (7)
		thứ trên đường đi qua		hoa mầu -Gia cầm bị chết,bị trôi- -Đường bị hư hỏng -Nhà bị trôi -Thiếu nước sinh hoạt -Mất đất canh tác	-Mùa vụ trùng mùa thiên tai -Nhà ven suối -Ao cá ven suối,bờ không an toàn	thu hoạch trước thiên tai
2008	Lốc	Xảy ra nhanh	Nà nghề	-3 ha lúa -ngô bị gãy,đổ		-Dụng lại ngô bị đổ
01/2008	Rét đậm, rét hại	Nhiệt độ xuống thấp kéo dài trên 1 tháng	Toàn xã	- Nhiều người dân bị ảnh hưởng đến sức khỏe (đặc biệt là người cao tuổi và trẻ em)	- Nhiệt độ xuống quá thấp người dân không thích ứng	- Tuyên truyền người dân phòng, chống rét cho người và gia súc, gia cầm - Một số hộ

Năm. tháng xảy ra thiên tai tai (1)	Loại hình thiên tai đã xảy ra (2)	Đặc điểm và xu hướng thiên tai (3)	Khu vực thiệt hại (4)	Những thiệt hại và mức độ thiệt hại (5)	Nguyên nhân dẫn đến từng thiệt hại (6)	Những việc người dân và chính quyền địa phương đã làm (7)
				<ul style="list-style-type: none"> - Gia súc, gia cầm bị chết nhiều - Diện tích hoa màu bị giảm năng suất 	<p>được.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuồng trại chưa được che chắn kỹ - Một số hộ còn thả rông gia súc, chưa dự trữ thức ăn cho gia súc, chưa biết cách chăm sóc gia súc, gia cầm, không che chắn cây trồng 	<p>dân biết cách che chắn chuồng trại cho gia súc, gia cầm</p>

Năm. tháng xảy ra thiên tai (1)	Loại hình thiên tai đã xảy ra (2)	Đặc điểm và xu hướng thiên tai (3)	Khu vực thiệt hại (4)	Những thiệt hại và mức độ thiệt hại (5)	Nguyên nhân dẫn đến từng thiệt hại (6)	Những việc người dân và chính quyền địa phương đã làm (7)
T7/2009	Sạt lở đất	Xảy ra sau mưa lớn kéo dài,	Khu pha 1 dọc đường đi Pú nhi	-sạt. 20-30m đường; -Lúa màu bị mất -Mất đất canh tác	_Taly âm đường dốc -Ruộng ở nơi SLĐ -	-Trồng rừng keo
11/2009	Rét đậm, rét hại	- Nhiệt độ xuống thấp dưới 10 ⁰ C kéo dài từ 7 đến 10 ngày/đợt (từ tháng 11/2009 đến tháng 12 năm 2009)	Toàn xã	- Nhiều người dân bị ảnh hưởng đến sức khỏe (đặc biệt là người cao tuổi và trẻ em),chết 1 người - trâu bò chết 5 con, gia cầm bị chết 400 con - Diện tích	- Nhiệt độ xuống quá thấp người dân không thích ứng được. - Chuồng trại chưa được che chắn kỹ - Một số	- Tuyên truyền, hỗ trợ người dân phòng, chống rét cho người và gia súc, gia cầm - Một số hộ dân biết cách che chắn chuồng trại cho gia súc, gia cầm Hỗ trợ quần

Năm. tháng xảy ra thiên tai (1)	Loại hình thiên tai đã xảy ra (2)	Đặc điểm và xu hướng thiên tai (3)	Khu vực thiệt hại (4)	Những thiệt hại và mức độ thiệt hại (5)	Nguyên nhân dẫn đến từng thiệt hại (6)	Những việc người dân và chính quyền địa phương đã làm (7)
				hoa màu bị chết hoặc giảm năng suất 2ha -Mạ bị chết 2 ha	hộ còn thả rông gia súc, - Chưa dự trữ thức ăn cho gia súc, chưa biết cách chăm sóc gia súc, gia cầm, không che chắn cây trồng -Thả rông	áo Che chắn cho mạ -Có chuongf được che chắn cho gia súc,khong thả rông trâu bò -Rá tro bếp,lân cho hoa màu
T8/2009	Lốc xoáy	-Xảy ra nhanh mạnh,kèm theo mưa	Bản Kê Nênh khu vực tại trại	-3 nhà bị lốc mái -Một nhà bị xiêu vẹo	-Nhà lợp ngói ,tranh không	Chằng chống,ghim néo nhà cản thận

Năm. tháng xảy ra thiên tai (1)	Loại hình thiên tai đã xảy ra (2)	Đặc điểm và xu hướng thiên tai (3)	Khu vực thiệt hại (4)	Những thiệt hại và mức độ thiệt hại (5)	Nguyên nhân dẫn đến từng thiệt hại (6)	Những việc người dân và chính quyền địa phương đã làm (7)
		đá	bò	-2000m2 hoa màu,cây đổ gãy	chằng chống -Nhà tạm bợ -	
9/2009	Mưa đá	-Xảy ra đột ngột,kéo dài 30',cục đá to 1-2cm	-Bản Tà lèng,bản Kê Nênh	-Mất 1ha lúa;0,8 ha màu,10 nha hông mái ngói	-Lúa màu trùng mùa thiên tai	-Thường xuyên theo dõi thông tin
2011	Lốc	Xảy ra nhanh	Bản Nà Nghè,Kê Nênh	\$ nhà lốc mái,01 nhà bị hư hại nặng	-Nhà tạm -Nhà lợp ngói không chằng chống	
2011	Rê Hại	Nhiệt độ xuống rất thấp,kéo dài	Toàn xã	Mạ non chết 15 ha	-mạ mới lên còn non	-gheo majtreen sân,che nilong cho mạ,bón tro bếp,phân

Năm. tháng xảy ra thiên tai (1)	Loại hình thiên tai đã xảy ra (2)	Đặc điểm và xu hướng thiên tai (3)	Khu vực thiệt hại (4)	Những thiệt hại và mức độ thiệt hại (5)	Nguyên nhân dẫn đến từng thiệt hại (6)	Những việc người dân và chính quyền địa phương đã làm (7)
						hoai mục
2014	SLĐ	-Xảy ra nhanh	Khu trại bò đến trụ sở UBND xã	01 nhà bị sập,500m dduownghf bị sạt	-Nhà duois chân ta luy đường -Ta luy dương và ta luy âm của đường quá dốc	-huy động giúp đỡ gia đình bị thiệt hại -tham gia khai thông đường

2. Thông tin đánh giá về TTDBTT

Qua thực tế đánh giá RRTT tại địa phương cho thấy. Các yếu tố DBTT ở địa phương chủ yếu là :

- Lúa, hoa màu, cây trồng, bị thiệt hại do mùa vụ trùng vào mùa thiên tai. Thiếu kiến thức, kỹ năng nuôi dưỡng, chăm sóc và bảo vệ gia súc gia cầm.
- Cơ sở hạ tầng, nhà dân do ở vùng thiên tai thường xảy ra hoặc công trình, nhà ở yếu kém, tạm bợ.
- Người: bao gồm các đối tượng thuộc nhóm DBTT, các đối tượng sinh sống nơi dễ xảy ra lũ quét, nhóm cộng đồng có nhận thức thấp, chủ quan.

- Tình trạng DBTT chủ yếu là do đặc điểm địa lý, địa hình, tập quán sinh sống và thói quen canh tác, nhận thức của người dân, cơ sở hạ tầng yếu kém

Tình trạng DBTT trước thiên tai được xác định như sau

a/ Lĩnh vực an toàn cộng đồng

V/C

- Các cầu trong xã tại tà Lệnh, Kê Nênh thấp dễ bị ngập - khi có lũ đặc biệt cầu chính bản tà Lệnh
- Tỷ lệ đường trục xã, liên xã, liên thôn chưa được cứng hóa còn 7km
- Đường nội đồng đều là đường đất tạm bợ, đi lại khó khăn
- Số nhà dột nát, tạm bợ còn nhiều 17 hộ
- Còn 10 hộ Cụm Long Hỏm bản Tà Lệnh chưa có điện sinh hoạt trực tiếp
- Nhà lợp ngói, tranh không chằng chống còn nhiều
- Có 18 hộ, 5 lán của các hộ nuôi cá thường xuyên có người trông coi ven suối Thảm mây, nNằm phạ nguy có lũ quét
- Còn 7 hộ sống ven nơi dễ SLD khu vực dọc đường liên xã; 03 hộ vùng ngập úng
- Các cầu hầu hết dễ bị ngập không đi lại được khi có mưa lũ
- Cụm Lọng Hỏm chưa có nhà VH
- Các thôn chưa có Internet
- Xã chưa có trường THCS
- Điểm Trường mầm non Kê Nênh: chưa có đất đang học nhờ trong điểm trường tiểu học
- Chưa có điểm bưu điện văn hóa
- Thiếu nhiều phương tiện vật tư PCTT

TC/XH

- Hộ nghèo và cận nghèo còn nhiều
- (25 hộ nghèo, 13 hộ cận nghèo) số hộ khá còn thấp (12 hộ)
- Đối tượng dễ bị tổn thương nhiều: 395 khẩu

- Tỷ lệ bản đạt bản văn hóa thấp(1/4)
- Sự phối hợp giữa các tổ chức,đoàn thể đôi lúc chưa chặt chẽ
- Thông tin,báo cáo không kịp thời
- Một số thành viên trong ban chỉ huy PCTT chưa nhiệt tình

NT,KN,TĐ/ĐC

- Còn hiện tượng chặt phá rừng,lấn chiếm đất rừng
- Nhận thức của cộng đồng về thiên tai còn hạn chế
- Còn có hiện tượng chủ quan

b/ Lĩnh vực SX-KD

V/C

- Thu nhập bình quân theo đầu người thấp
- Không có trạm bơm công tác Tưới chủ yếu phụ thuộc vào nước tự chảy và nước mưa
- Diện tích đất bị ảnh hưởng của hạn,sạt lở đất,ngập úng cao:
 - 4000m² đồng trung tâm Tà Lèng và khu sân bóng tà lèng;01 ha đồng na Ít;01 ha Đồng pha Kê nênh, 3000m² khu vực gần trụ sở UBND xã thương bị hạn hán
 - 5000m² đồng khu hồ Huổi phạ bị ngập
 - 01 ha vùng dọc suối Thảm Mây;
 - 6000m² ven trục đường Noong Bua đi Pu Nhi có taluy đường dốc
- ...ha nuôi cá ven suối thường có lũ quét
- Nhiều ao cá ven suối Tà Lèng nơi thường có lũ quét

TC/XH

- Thiếu việc làm (30% trong độ tuổi lao động)thường phải đi làm ăn xa
- Lao động qua đào tạo còn thấp (có 82 lao động)

NT,KN,TĐ/ĐC

- Người dân thiếu kỹ năng chăm sóc cây con trong mùa rét

Lĩnh vực SK-VS-MT

VC

- Thiếu nơi đổ rác thải 1qui định
- Nhà vệ sinh không hợp vệ sinh còn nhiều
- Còn nhiều hộ thiếu phương tiện dự trữ nước
- Mùa vụ trùng mùa thiên tai
- Ao cá ven suối, bờ bao thấp, yếu dễ vỡ
- Ruộng ở nơi SLĐ
- Chuồng trại chưa được che chắn kỹ
- chưa dự trữ thức ăn cho gia súc,
- Không có trạm bơm

TC/XH

- Mùa vụ trùng mùa hạn hán
- Tỷ lệ sinh tự nhiên còn cao(1,84%), còn có sinh con thứ 3
- Trạm y tế chưa có bác sỹ
- Nơi làm việc của Trạm y tế hiện đang nhờ địa điểm trường tiểu học Hoàng Văn Nô

NT,KN,TĐ/ĐC

- Một số hộ còn thả rông gia súc
- Chất thải,rác thải chưa được thu gom và chưa được xử lý
- Ý thức bảo vệ môi trường của CD còn hạn chế
- Người dân thiếu kỹ năng chăm sóc sức khỏe vào mùa rét
- Thiếu kỹ năng chăm sóc cây con trong mùa rét

3. Thông tin đánh giá về Năng lực PCTT

*** Nhận xét chung:**

Nhìn chung với những diễn biến ngày càng phức tạp của thiên tai đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống của người dân trong xã. Tuy nhiên cùng với sự quan tâm các cấp chính quyền trong công tác tổ chức triển khai thực hiện phòng chống giảm nhẹ tác động của thiên tai. Trong thời gian qua với ý thức cao của người dân cộng với công tác vận động của chính quyền các cấp được thực hiện thường xuyên , công tác chủ động phòng chống thiên tai của cộng đồng luôn được chú trọng.

Là xã mới được thành lập còn gặp nhiều khó khăn về nhiều mặt nhưng đảng bộ và nhân dân trong xã luôn có ý thức cao trong PCTT như trồng cây chống sạt lở, chằng chống nhà cửa, chuyển đổi giống cây trồng, lương thực dự phòng nên dù thiên tai xảy ra nhanh,lớn song không để thiệt hại về người,gảm nhẹ được thiệt hại lúa,màu...

Những năng lực cụ thể

a/ Lĩnh vực An toàn cộng đồng:

V/C

- Trụ sở UBND xã hiện có 01 nhà 3 tầng .diện tích xây dựng 145m2 là nơi sơ tán an toàn
- Đường liên xã ,liên bản đã bê tông hóa 8 km
- 4/4 bản đã có hệ thống truyền thanh
- Đã có Internets đến xã,các thôn chưa có
- Hầu hết đường nội bản đã bê tông hóa
- Trụ sở Ban Nhân dân bản: 03/04 bản đã có nhà VH bản và đều mới được xây dựng
- Công tác an ninh xã hội được giữ vững
- Có sự hỗ trợ của doanh nghiệp về phương tiện:Ô to 5 cái; máy xúc 5 cái; cần cẩu 5 cái
- Có 2 trạm viễn thông
- Nhà văn hóa xã,điểm bưu điện và trạm y tế xã 2 tầng đang được xây dựng

b/TC/XH

- Cứu trợ kịp thời
- Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị
- Cán bộ xã đạt chuẩn
- Có BCHPCTT cấp xã; các tiểu ban PCTT cấp thôn và có tỷ lệ nữ phù hợp (30%) và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên
- Hàng năm đều có lập kế hoạch PCTT; cuối năm có tổng kết, đánh giá
- Đảm bảo trực 24/24 khi có thiên tai
- CD đoàn kết, có tinh thần tương trợ cao

KN, NT, TĐ/ĐC

Người dân có kinh nghiệm dự báo, Thực hiện nghiêm túc chủ trương của CQ

Lĩnh vực SX/KD

V/C

- Xã có 01 phai suối Nậm Phạ và đập Na Ít tốt cấp nước cho trên 30 ha lúa màu
- Xã có 7 tuyến kênh, mương dài 6,4 km do xã quản lý và đã cứng hóa được 3,7km
- Trên địa bàn xã có 2 trạm biến áp, chất lượng phục vụ tốt
- Các cầu đều đã bê tông hóa
- Có 12 máy phay, tuốt lúa

TC/XH

* Số người trong độ tuổi lao động: 846 người, có 421 nam và nữ là 425 người

KN, NT, TĐ, DC

Lĩnh vực sức khỏe, vệ sinh môi trường

V/C

Có trạm y tế xã

TC/XH

- Số hộ được sử dụng nước sạch 78,72%
- Trạm y tế có 6 cán bộ trong đó có 4 y sỹ, 1 nữ hộ sinh, 1 điều dưỡng, 01 y tá
- 3/4 bản, cụm dân cư đã có y tá
- 65% người dân tham gia bảo hiểm y tế

KN, NT, TĐ/ĐC

4. Đánh giá mức độ nhận thức về rủi ro thiên tai của người dân

Qua đánh giá ở 2 cụm thôn và phỏng vấn 3 nhóm đặc thù, cho thấy:

- Nhận thức của cộng đồng về rủi ro thiên tai và BĐKH còn hạn chế
- Người dân chưa hiểu hoặc hiểu rất hạn chế về thiên tai.
- Người dân đã có một số kinh nghiệm dân gian về phòng tránh thiên tai. - Các hộ vùng thường xuyên bị ngập đã có ý thức chuẩn bị các phương tiện dự phòng
- Người dân còn chủ quan trước thiên tai.

Tổng hợp giải pháp phòng, chống thiên tai

Trên cơ sở phân tích nguyên nhân, cộng đồng đã đưa ra nhiều giải pháp và sau đó dựa vào các tiêu chí : Tính cấp thiết, tính khả thi, đối tượng hưởng lợi, tình hình kinh tế-xã hội của xã và kế hoạch PTKT-XH của xã, cộng đồng đã xếp hạng ưu tiên theo thứ tự như sau:

1. Thiếu nước sinh hoạt
2. Mất đất canh tác
3. Thiệt hại về lúa, màu, cây tròn
4. Thiếu ăn
5. Môi trường bị ô nhiễm
6. Thiệt hại về người
7. Hạ tầng cơ sở bị hư hỏng
8. Giao thông bị ách tắc
9. Học sinh phải nghỉ học
10. Gia súc, gia cầm bị trôi, bị chết
11. Nhà bị hư hỏng

III. Mục tiêu của kế hoạch

1. Mục tiêu chung:

- Giảm thiệt hại về người, tài sản, nhà cửa ,hoa màu khi có thiên tai xảy ra.
- Giảm thiệt hại văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng.
- Từng bước nâng cao nhận thức cho cán bộ và người dân trong xã về Quản lý rủi ro thiên tai để mọi người tự bảo vệ bản thân và gia đình mình cũng như các hoạt động sản xuất, kinh doanh của mình.

2. Các mục tiêu cụ thể:

- Không để thiệt hại về người khi có thiên tai xảy ra.
- Đảm bảo công tác thông tin liên lạc và truyền thông thông suốt trong mọi trường hợp khi có thiên tai.
- Tổ chức ứng phó kịp thời hiệu quả.
- Đảm bảo công tác an ninh trật tự nơi xảy ra thiên tai và nơi người dân sơ tán đến.
- Đảm bảo tốt công tác tuyên truyền, cảnh báo. + Nâng cao được nhận thức về QLRRTT cho 100% cán bộ xã, thôn và 20% các hộ dân vùng nguy cơ cao.

IV. Các hoạt động phòng ngừa, ứng phó, khắc phục thiên tai

Tổ chức thực hiện,giám sát đánh giá

A . Phân công nhiệm vụ

1,- * Ban chỉ huy PCLB- TKCN xã sở chỉ huy đặt tại trụ sở xã trực 24/24 giờ trong suốt mùa mưa từ tháng 5 đến hết tháng 10 năm 2013.

* Khi có tình huống xảy ra ban chỉ huy PCLB xã lập sở chỉ huy tại khu vực xảy ra lụt bão để trực tiếp chỉ huy, thống nhất phối hợp hiệp đồng chặt chẽ tổ chức các lực lượng thực hiện nhiệm vụ PCLB- TKCN.

* Phân công cán bộ chịu trách nhiệm chỉ đạo phụ trách địa bàn như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Địa bàn phụ trách
1	Lò Văn Hạnh	Xã đội trưởng	Cụm Loọng Hỏm
2	Lò Văn Học	Trưởng công an	Bản Nà Nghè
3	Đặng Thị Hồng	CB nông nghiệp	Bản Kê Nênh
4	Ngô Văn Thành	CB khuyến nông	Bản Tà Lèng

2. Ban nông nghiệp.

- Tham mưu cho Ban chỉ huy PCLB xã chỉ đạo các bản, cụm trong công tác PCLB, thường xuyên tổ chức phối hợp hiệp đồng với các ngành, đoàn thể tổ chức

tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện tốt công tác PCLB- TKCN, nắm các tình hình mưa lũ trên địa bàn, tổ chức huy động lực lượng, phương tiện tham gia PCLB- TKCN, tiếp nhận, truyền tải Chỉ thị, Mệnh lệnh cấp trên, đồng thời thông báo, hướng dẫn các bản, cụm về biện pháp PCLB trong mọi tình huống.

- Tổ chức phân công cán bộ trực lũ 24/24 giờ, thường xuyên cử lực lượng xuống các khu vực trọng điểm, kiểm tra nắm bắt tình hình mưa lũ để tham mưu cho Ban chỉ huy PCLB- TKCN xã có biện pháp xử lý kịp thời.

3. Ban chỉ huy quân sự xã.

- Phối hợp chặt chẽ với Ban nông nghiệp xã, Công an, các ban ngành , đoàn thể tham mưu, đề xuất xây dựng, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch PCLB- TKCN xã sát với tình hình thực tế.

- Phân công cán bộ phụ trách địa bàn, sẵn sàng huy động lực lượng dân quân tham gia PCLB- TKCN khi tình huống xảy ra.

- Phối hợp với công an xã nắm chắc tình hình ANCT- TTATXH và bảo vệ an toàn khu vực xảy ra lụt bão.

4. Ban Công an xã.

- Xây dựng kế hoạch, phương án PCLB của ngành mình sát với tình hình thực tế, tổ chức sử dụng lực lượng bảo vệ tài sản của nhà nước, của nhân dân, giữ vững ANCT- TTATXH trên địa bàn không để kẻ xấu lợi dụng lụt bão chộm cắp tài sản. Hiệp đồng chặt chẽ các lực lượng khác, sử dụng lực lượng tham gia PCLB- TKCN khi tình huống xảy ra.

5. Văn phòng HĐND và UBND xã.

- Phối hợp tham mưu tổ chức triển khai các Chỉ thị, Mệnh lệnh và các chính sách; Phối hợp triển khai các biện pháp phòng chống và khắc phục hậu quả thiệt hại do mưa lũ gây ra.

6. Trạm y tế xã.

- Xây dựng kế hoạch của ngành mình, chuẩn bị bảo đảm thuốc men, dụng cụ, phương tiện cấp cứu, tổ chức hiệp đồng chặt chẽ các lực lượng khác làm công tác cứu chữa người bị nạn, thực hiện tốt công tác vệ sinh phòng chống dịch, khắc phục hậu quả trước, trong và sau lũ.

7. Tài chính – kế toán xã.

- Tham mưu cho Ban chỉ huy PCLB xã về các biện pháp phòng chống PCLB- TKCN đảm bảo ngân sách cho cơ sở thực hiện công tác PCLB- TKCN tại địa bàn.

8. Thương binh xã hội xã.

- Tham mưu đề xuất các chính sách kịp thời hỗ trợ nhân dân khắc phục hậu quả lũ, lụt sớm ổn định sản xuất, cuộc sống của nhân dân.

9. Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể xã.

- Kịp thời bổ sung, điều chỉnh kế hoạch PCLB- TKCN của đoàn thể mình sát với tình hình địa bàn tăng cường phối hợp, tham mưu cho Ban chỉ huy PCLB- TKCN xã đề ra các phương án PCLB- TKCN. Tổ chức sử dụng lực lượng đoàn viên, hội viên, phương tiện hiện có, vận động nhân dân tham gia PCLB, khắc phục hậu quả thiên tai, đảm bảo tuyệt đối an toàn tính mạng tài sản của nhà và của nhân dân, hạn chế thấp nhất về thiệt hại do mưa lũ gây ra.

10. Các bản, cụm.

- Tăng cường công tác tuyên truyền cho nhân dân, từng hộ gia đình không được chủ quan chủ động phòng, tránh thiên tai, chịu trách nhiệm công tác PCLB- TKCN tại bản, cụm mình.

- Chỉ đạo nhân dân khẩn trương trồng, chống nhà cửa, thu hoạch lúa và hoa màu, thủy sản... tổ chức khơi thông cống rãnh đảm bảo dòng chảy theo quy luật, ngăn chặn những hộ gia đình coi nói lấn dòng, đắp ao không đảm bảo ở các khe núi có dòng chảy lớn.

- Tổ chức thu nộp quỹ phòng chống lụt bão theo quy định của nhà nước, thường xuyên báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ về ban chỉ đạo PCLB- TKCN xã. Chịu trách nhiệm công tác PCLB- TKCN tại bản, cụm mình quản lý.

C. Công tác đảm bảo

1. Bảo đảm thông tin liên lạc:

- Khi có tình huống sử dụng mạng thông tin bưu điện hiện có là chủ yếu, kể cả hệ thống thông báo, báo động còi, keng và thông tin cá nhân, nhanh chóng liên lạc với cơ quan chức năng của xã và thành phố.

2. Bảo đảm nắm tình hình:

- Khi xảy ra mưa, bão, lũ quét, sạt lở đất các lực lượng phòng chống thiên tai tại chỗ chủ động hiệp đồng chặt chẽ với các lực lượng tham gia bảo đảm an toàn tuyệt

đối về người và tài sản của Nhà nước, của nhân dân giữ vững tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

- Ban CHQS xã sử dụng lực lượng dân quân cùng với lực lượng công an xã, công an viên thường xuyên túc trực các ngày mưa lớn có thể xảy ra lũ quét kịp thời thông báo, báo động, xử lý tình huống.

3. Bảo đảm cơ động:

- Sử dụng phương tiện xe máy của các cá nhân và trưng dụng các phương tiện của nhân dân.

4. Bảo đảm hậu cần, kỹ thuật:

a. Bảo đảm hậu cần: Huy động hậu cần, kỹ thuật tại chỗ là chủ yếu. Ngoài ra ủy ban nhân dân xã cũng dành dự phòng 1 khoản kinh phí để chủ động khi có tình huống xảy ra, hỗ trợ kịp thời những hộ bị thiệt hại, những người bị nạn và phục vụ lực lượng ứng cứu, khắc phục hậu quả kịp thời.

b. Bảo đảm y tế: Trạm y tế xã cử 01 tổ cứu thương = 02 đ/c (y sỹ, y tá) tham gia làm nhiệm vụ cứu thương các lực lượng nơi xảy ra tình huống.

4. Tổng kết báo cáo rút kinh nghiệm, cập nhật và chuẩn bị kế hoạch cho năm sau và những năm tiếp theo

V. Đề xuất kiến nghị với cấp có thẩm quyền giải quyết những việc sau:

a.-Kiến nghị cấp trên các cơ quan chức năng hỗ trợ hỗ trợ về kinh phí dự phòng để di dời những hộ dân có nguy cơ bị lũ quét đến nơi an toàn,

b.- Bổ sung vật chất phòng chống thiên tai cho các lực lượng tham gia phòng chống đảm bảo khi có tình huống xảy ra có thể xử lý được ngay và có hiệu quả.

+ Cấp cho địa phương xuống máy hoặc thuyền máy,máy nổ

+ Trang bị thêm áo phao,phao bơi,loa cầm tay

c. Tăng cường công tác tuyên truyền và tập huấn về PCTT cho mọi đối tượng đặc biệt là các đối tượng dễ bị tổn thương.

d.Tổ chức tập huấn kỹ năng tìm kiếm,cứu hộ,cứu nạn cho lực lượng phản ứng nhanh,TK-Cn,SCC

e.-Tổ chức tập bơi cho trẻ em và phụ nữ

g.-hàng năm tổ chức đánh giá RRTT –DVCD trước khi lập kế hoạch PCTT và lồng ghép KH-PCTT với kế hoạch PT-KTXH của địa phương

Trên đây là một số nội dung, thông tin trong “Kế hoạch phòng, chống thiên tai xã Tà Lèng, Đề nghị các ban ngành, đoàn thể các thôn bản thực hiện tốt phương án nhiệm vụ được phân công.

Nơi nhận :

- *BCHPCLB huyện (b/c;)*
- *TT. ĐU, HĐND (b/c);*
- *Các Thành viên BCD;*
- *Các thôn bản, ban ngành;*
- *Lưu VP.*

UBND XÃ TÀ LÈNG

PHỤ LỤC KÈM THEO

- Bảng Lịch sử thiên tai
- Bảng lịch mùa vụ
- Bảng điểm mạnh điểm yếu
 - Bảng tổng hợp kết quả ĐGRRTT
- Họạ đồ rủi ro thiên tai
- Tổng hợp giải pháp PCTT